

Bản án số: 587/2023/HS-PT
Ngày: 12/12/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Văn Hợp**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Ngọc Thái**
 ông **Võ Ngọc Thông**

- Thư ký phiên tòa: bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Quách Đức Dũng**- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 570/2023/HS-PT ngày 02 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Trần Văn B về tội “*Tổ chức cho người khác xuất nhập cảnh trái phép*”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2023/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn B; sinh ngày: 12/5/1983, tại Nam Định; nơi thường trú: xóm H, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: số nhà E ngõ C, phố B, phường N, quận L, thành phố Hà Nội; giới tính: am; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: lái xe.

Con ông Trần Văn H, sinh năm 1943 và bà Trần Thị G (tên gọi khác Trần Thị N), sinh năm 1946, đều trú tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ bảy; vợ: Trần Thị L, sinh năm 1982; con: có 05 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú, sau đó bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2022 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Trần Văn B: ông Hà Trung T – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/11/2022, Lê Ngọc Q và Hồ Thị V đi làm rẫy thì có một người đàn ông tên N1 (không rõ lai lịch, địa chỉ) gọi điện thuê Q và V đưa người Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Lào với tiền công 1.000.000 đồng/người, V, Q đồng ý. Hai bên thỏa thuận Q và V sẽ đón người xuất cảnh tại khu vực thị trấn L, huyện H rồi đưa đến giao tại bờ sông S để N1 sử dụng đò chở sang Lào.

Sáng ngày 19/11/2022, một người phụ nữ nói giọng miền B gọi điện cho V thông báo chiều cùng ngày sẽ có 02 xe ô tô chở 17 người từ thành phố Hà Nội vào tỉnh Quảng Trị để xuất cảnh trái phép sang Lào và yêu cầu V chủ động liên lạc với 02 tài xế. Chiều cùng ngày, N1 cho Q số điện thoại của Hoàng Thị T1 và Trần Văn B là 02 tài xế chở người Trung Quốc xuất cảnh trái phép. Q chuyển cho V số điện thoại của hai người này để liên lạc.

Sáng ngày 19/11/2022, Bị cáo T1 đang ở nhà của mình thì anh Hoàng Minh T2 gọi điện cho T1 (T2 là em trai ruột của T1 hành nghề xe dịch vụ) giới thiệu có người thuê xe 07 chỗ chở khách, do bận việc riêng nên anh T2 không chở được nên gọi chị mình đang rảnh rồi chở khách thay để lấy tiền công và anh T2 cho biết có người đàn ông tên B sẽ chở khách bằng xe khách đi cùng. Sau đó, một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) gọi qua Zalo thuê T1 chở 06 người từ thành phố Hà Nội vào thị trấn L, huyện H với giá 10.000.000 đồng, T1 đồng ý và điều khiển xe ô tô hiệu MISUBISI loại XPANDE biển kiểm soát 30H-033.34 (xe mượn của Công ty TNHH X) TNHH) đón 06 người Trung Quốc tại khu vực cầu Đ (thuộc địa phận thành phố Hà Nội) để chở vào Quảng Trị. Khi khách lên xe, bị cáo phát hiện không phải người Việt Nam nên rủ con gái là Lê Ngọc M, sinh năm 1996 đi cùng. Trên đường đón M, bị cáo T1 mới biết 06 người Trung vào Quảng Trị để xuất cảnh trái phép, T1 không nói cho M biết việc này, trên đường đi bị cáo và chị M thay nhau lái xe.

Cùng ngày, một người phụ nữ tên M (không rõ lai lịch, địa chỉ) gọi điện thuê Trần Văn B chở 07 người từ thành phố Hà Nội vào thị trấn K, huyện H với giá 14.000.000 đồng, B đồng ý. Bắc điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 30H-987.39 (xe Bắc thuê của bà Nguyễn Thị H1) đến khu vực Đường E kéo dài cách cầu Đ khoảng 01 km (thuộc địa phận thành phố Hà Nội) đón 07 người để chở vào Quảng Trị. Lúc đón người, có một người đàn ông đi đến đưa cho B 7.000.000 đồng tiền công. Trên đường đi, B biết 07 người này là người Trung Quốc, mục đích vào tỉnh Quảng Trị để xuất cảnh trái phép sang Lào nhưng vẫn đồng ý chở đi. Do có quen biết từ trước nên trên đường đi từ thành phố Hà Nội vào tỉnh Quảng Trị, T1 và B nhiều lần gọi điện cho nhau để nắm tình hình.

Chiều ngày 19/11/2022, V gọi điện dặn T1 và B khi đến thị trấn K, huyện H thì liên lạc cho V. Khoảng 18 giờ ngày 19/11/2022, T1 và M điều khiển xe ô tô chở 06 người Trung Quốc dừng chờ ở đoạn đường đối diện quán K, thuộc thị trấn L, huyện H. Tỉnh gọi điện báo cho V biết. V gọi điện cho Q, đồng thời nói với Lê A (chồng của V) đi cùng Q đến đón những người Trung Quốc, Lê A đồng ý. Bị cáo Q điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74H1 - 119.75 (xe Quý mượn của bà Lê Thị Trường A1) và bị cáo Lê A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74H1- 318.26 của gia đình đi đón số người trên. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Q và A điều khiển 02 xe mô tô quay lại vị trí ô tô đỗ lần lượt chở 06 người Trung Quốc đến khu vực nghĩa địa ở khóm T, thị trấn L, sau đó bị cáo Lê A trở về nhà, còn bị cáo Q dẫn 04 người Trung Quốc gồm: Wei S, sinh năm 1997, trú tại tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; Zhang L1, sinh năm 1994, trú tại tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc; Wang Zhao B1, sinh năm 1995 tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc; Tao J, sinh năm 2003, trú tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc xuống bờ sông S để xuất cảnh trái phép sang Lào thì bị bộ đội biên phòng bắt quả tang bị cáo Q cùng 04 người này; 02 người Trung Quốc còn lại bỏ trốn đến nay chưa tìm được. Sau khi giao xong khách, bị cáo T1 điều khiển xe ô tô cùng chị M quay về thành phố Hà Nội thì bị lực lượng chức năng yêu cầu dừng xe, đưa về Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế L2 để làm việc.

Khoảng 18 giờ ngày 19/11/2022, B điều khiển ô tô chở 07 người Trung Quốc đến cách thị trấn K khoảng 10km thì liên lạc với V để giao người. Bị cáo V hướng dẫn B dừng xe chờ ở thị trấn K rồi sẽ có người đến đón. Trong khoảng thời gian chờ, B nhiều lần gọi điện cho V yêu cầu V nhận người nhưng V bảo B cứ chờ ở thị trấn K. Đến khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 20/11/2022, tại khu vực K + 60 Quốc lộ I, thuộc Khóm A, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị, lực lượng Biên Phòng phát hiện B điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 30H-987.39 đang dừng ở bên đường, trong xe có chở 07 người Trung Quốc (gồm: Cai D, sinh năm 2002, trú tại tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc; Zhu Y, sinh năm 1997, trú tại tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc; Du Hou T3, sinh năm 1986, trú tại tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc; Zou Jia M1, sinh năm 1999, trú tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc; Wang J, sinh năm 2002, trú tại tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc; Qiu Z, sinh năm 1998, trú tại tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc; Liao Chun Y1, sinh năm 1994, trú tại tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc), những người này khai nhận đã nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và đang chờ xuất cảnh trái phép sang nước khác nên đưa về Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế L2 lập biên bản xử lý.

Ngày 22/11/2022, trên cơ sở chứng cứ, tài liệu thu thập được, Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế L2 bắt người bắt khẩn cấp đối với các bị cáo Hồ Thị V, Lê Ngọc Q, Lê A và Hoàng Thị T1 về hành vi “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”. Ngày 23/11/2022, bị cáo Trần Văn B ra đầu thú tại Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế L2.

Vật chứng và tài sản bị thu giữ gồm:

- Quá trình điều tra, cơ quan chức năng đã tạm giữ của Lê Ngọc Q:

+ 01 điện thoại di động bàn phím số, nhãn hiệu NOKIA, vỏ lưng máy màu xanh, gắn 02 thẻ sim V1.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave α , biển kiểm soát 74H1 - 119.75. (Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Lê Thị Trường A1).

- Tạm giữ của Lê A:

+ 01 điện thoại di động bàn phím số, nhãn hiệu NOKIA, vỏ máy màu đen, gắn 01 thẻ sim Viettel.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave α , biển kiểm soát 74H1-318.26. - Tạm giữ của Hồ Thị V:

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ lưng máy màu xanh, gắn 01 thẻ sim; 01 thẻ sim điện thoại Viettel số seri 89840 48000 90868 7090, bị móp, lỗi lõm nhiều chỗ.

- Tạm giữ của Hoàng Thị T1:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, loại XPANDER CROSS, biển kiểm soát 30H-033.34; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, số KD 7590026 30H - 033.34, trung tâm đăng kiểm xe cơ giới quận L, thành phố Hà Nội cấp ngày 22/11/2021; 01 thẻ ghi nhớ hành trình ô tô kí hiệu Lexar 300x 16GB. (Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô và các loại giấy tờ nêu trên cho chủ sở hữu là Công ty TNHH X).

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, vỏ lưng máy màu đen, gắn 02 thẻ sim V1.

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu MI, vỏ lưng máy màu tím xanh, không có thẻ sim; 01 thẻ ATM, kí hiệu A2 9794 2596 7095 0551 HOANG THI TINH YOUcard.

+ 01 Căn cước công dân số 001172020215; 01 giấy phép lái xe hạng A1, B2, số 011125010180 mang tên Hoàng Thị T1.

+ Tiền do Ngân hàng N2 phát hành 14.650.000 đồng.

- Tạm giữ của Trần Văn B:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, loại XPANDER, biển kiểm soát 30H - 987.39; 01 thẻ ghi nhớ hành trình kí hiệu MIXIE 32GB; 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 294831, do Phòng C Công an thành phố H cấp ngày 06/10/2022; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, số 3278078, do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới số 29-05V cấp ngày 06/10/2022; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô, do Tổng công ty cổ phần B2 - Công ty B3 cấp ngày 5/10/2022. (Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô và các loại giấy tờ nêu trên cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị H1).

+ 01 Căn cước công dân số 036083012266; 01 Giấy phép lái xe hạng B2, số 010103025077 mang tên Trần Văn B.

+ Tiền do Ngân hàng N2 phát hành 8.060.000 đồng.

+ 01 thẻ ngân hàng V2 TRAVEL MILES 4541190196543844 VU HA QUYNH- là đồ vật do Trần Văn B nhặt được, Cơ quan An ninh điều tra đã trả lại cho Ngân hàng V2.

+ 01 thẻ ATM, kí hiệu OC Tỷ 9704141008002236058 TRAN VAN BAC; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu FOSSIL; 01 nhẫn kim loại màu vàng; 01 dây đeo cổ bằng kim loại màu vàng.

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone, vỏ lưng máy màu xanh, bên trong có gắn 01 sim V1; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone, vỏ lưng máy màu xám, bên trong có gắn 01 thẻ sim Viettel.

+ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone, vỏ lưng máy màu vàng đồng, bên trong có gắn 01 thẻ sim Mobifone.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2023/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Văn B 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/11/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/10/2023, bị cáo Trần Văn B có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Văn B giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn B là ông Hà Trung T - Trợ giúp viên pháp lý trình bày: trong vụ án này, B là người giúp sức thứ yếu, vai trò tương đương với Hoàng Thị T1 nhưng bị cáo T1 chỉ bị xử phạt 03 năm tù và cho hưởng án treo; đồng thời, bị cáo B cần được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu và ít nghiêm trọng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tổ tụng: các hành vi, quyết định tổ tụng của các cơ quan và người tiến hành tổ tụng thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn luật định và đảm bảo quy định tổ tụng nên được xem xét theo quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được tranh tụng tại các phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 19/11/2022 tại địa bàn huyện H, tỉnh Quảng Trị, Hồ Thị V đã thực hiện hành vi giữ vai trò liên lạc, tổ chức cho 13 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Lào. V đã chỉ đạo, hướng dẫn cho Lê Ngọc Q, Lê A, Hoàng Thị T1, Trần Văn B thực hiện hành vi đưa đón 13 người Trung Quốc để tổ chức cho những người này xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Lào, trong đó xe của T1 chở 06 người, xe của B chở 07 người.

Bị cáo B là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, là lái xe dịch vụ, biết trước được mục đích của đối tượng thuê chở khách vào Quảng Trị để xuất cảnh trái phép, nhưng vì vụ lợi bị cáo đã nhận tiền công 7.000.000 đồng và chở 7 người nước ngoài để xuất cảnh trái phép nên hành vi của Trần Văn B đã phạm vào tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn B theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, bị cáo B là người thực hành, nhận tiền và trực tiếp chở những người nước ngoài để xuất cảnh trái phép. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú ở Việt Nam; xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú ở Việt Nam nên cần xử lý đúng theo đúng quy định của pháp luật để răn đe và giáo dục chung.

Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong vụ án cũng như nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Văn B 05 (năm) năm tù và không cho hưởng án treo về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, xét thấy bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Văn B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn B và giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn B 05 (năm) năm tù về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/11/2022.

2. Án phí phúc thẩm: áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Văn B phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Trị;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp